

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD - TK

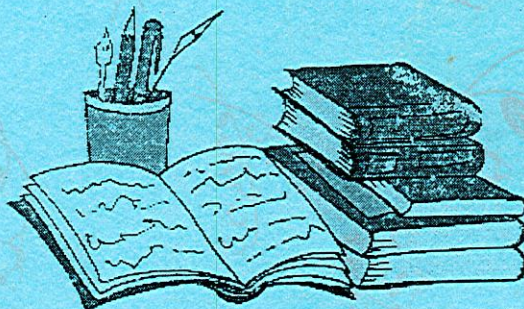
**PHÚC KHANG TRÀ VINH**

- Số 32, Ấp Bích Trì, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

-ĐT: 0702950785 — Fax: 0702950785

# **BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

* TÊN CÔNG TRÌNH :	CẢI TẠO VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ CÁC ĐIỂM TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH NĂM 2025
* CHỦ ĐẦU TƯ :	BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ TRÀ VINH
* ĐỊA ĐIỂM XD :	TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH
* ĐƠN VỊ TƯ VẤN :	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD-TK PHÚC KHANG TRÀ VINH



Năm 2025

Số: 01/BC. KT-KT.2025

Trà Vinh, ngày tháng 03 năm 2025

## BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

- \* **Tên dự án:** Cải tạo và mua sắm trang thiết bị các điểm trường trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2025
- \* **Chủ đầu tư:** Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng thành phố Trà Vinh
- \* **Địa điểm xây dựng:** Trên địa bàn thành phố Trà Vinh

CHỦ ĐẦU TƯ  
BQL CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH



Lê Thanh Trọng

Trà Vinh, ngày tháng 03 năm 2025

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD-TK  
PHÚC KHANG TRÀ VINH

NGƯỜI LẬP

Bùi Mạnh Cường



Lê Thị Hồng Nhi

## **NỘI DUNG BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT**

### **I/ CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT:**

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về hướng dẫn đấu thầu;
- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số: 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của quốc hội;
- Căn cứ Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho Giáo dục mầm non;
- Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021, Chính phủ ban hành quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của Chính phủ: Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;
- Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;
- Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT, ngày 10/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành Định mức xây dựng công bố kèm theo;

- Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/12/2021 hướng dẫn xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Căn cứ Thông tư số 50/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính: Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 329/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số Số 28/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

- Căn cứ Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 05/07/2027 của Chủ tịch UBND thành phố Trà Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện dự án Cải tạo và mua sắm trang thiết bị các điểm trường trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2025;

- Căn cứ Hợp đồng được ký kết giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Trà Vinh và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư XD-TK Phúc Khang Trà Vinh về việc tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Cải tạo và mua sắm trang thiết bị các điểm trường trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2025;

- Căn cứ khảo sát thực tế hiện trạng tại các các điểm trường: Trường THCS Minh Trí; Trường Tiểu học Lê Văn Tám; Trường Tiểu học Lê Anh Xuân; Trường mầm non Hương Dương; Trường mẫu giáo Sơn Ca; Trường THCS Trần Quốc Tuấn; Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai;

- Căn cứ yêu cầu cần thiết của chủ đầu tư.

## **II. MỤC TIÊU VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ:**

### **1. Mục tiêu:**

Việc đầu tư xây dựng dự án: Cải tạo và mua sắm trang thiết bị các điểm trường trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2025 sẽ dần hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ học tập của các điểm trường trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu công tác dạy và học; giúp nhà trường từng bước xây dựng để phấn đấu đạt trường Chuẩn Quốc gia. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được công tác giảng dạy trong ngôi trường

có cơ sở vật chất khang trang, sạch, đẹp, qua đó giúp cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường yên tâm công tác hơn và có điều kiện tốt hơn để phát huy năng lực trong giảng dạy, và giáo dục thế hệ trẻ. Đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho sự nghiệp trồng người của ngành giáo dục.

## **2. Sự cần thiết đầu tư:**

Hiện trạng các điểm trường trên địa bàn thành phố Trà Vinh qua nhiều năm được đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau cơ bản đảm bảo điều kiện dạy và học của học sinh và giáo viên. Tuy nhiên, qua thời gian dài sử dụng có một số điểm trường bị hư hao, thấm dột, sân đường, hệ thống thoát nước sụp lún nhiều nơi gây nguy hiểm cho việc vui chơi, sinh hoạt của các học sinh. Ngoài ra một số điểm trường đầu tư còn thiếu bàn ghế, trang thiết bị tối thiểu dạy học cũng như phục vụ vui chơi cho các em học sinh và giúp một số trường đạt các tiêu chí tự đánh giá trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 trong cuối năm học 2024-2025. Từ thực tế nêu trên việc đầu tư dự án Cải tạo và mua sắm trang thiết bị các điểm trường trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2025 là hết sức cần thiết.

## **III. ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:**

Dự án Cải tạo và mua sắm trang thiết bị các điểm trường trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2025 được đầu tư cải tạo hạng mục chính và bổ sung một số hạng mục tại các điểm trường hiện trạng trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

## **III. QUY MÔ ĐẦU TƯ, NỘI DUNG THIẾT KẾ VÀ ĐẶT TÍNH KỸ THUẬT CỦA VẬT TƯ LẮP ĐẶT:**

### **1. Qui mô đầu tư:**

#### **a) Phần xây dựng:**

- Trường THCS Minh Trí: Nâng cấp sân đường diện tích: Khoản 3.200m; làm mới và cải tạo hệ thống thoát nước: Khoản 390m.

- Trường Tiểu học Lê Văn Tám: Nâng cấp sân đường diện tích: Khoản 2.600m; cải tạo hệ thống thoát nước: Khoản 250m; Cải tạo nhà vệ sinh giáo viên: Khoản 95,0m<sup>2</sup>.

- Trường Tiểu học Lê Anh Xuân:

+ Điểm trường tại ấp Vĩnh Hưng: Mở rộng hội trường; Cải tạo khối phòng học và phòng chức năng hiện trạng; Cải tạo Hàng rào, cổng trường hiện trạng.

+ Điểm trường tại ấp Điểm Vĩnh Yên: Nâng cấp sân đường diện tích: Khoản 450m<sup>2</sup>; lát gạch vỉa hè trước cổng trường: Khoản 190,0m<sup>2</sup>; Cải tạo Hàng rào, cổng trường hiện trạng.

- Trường mầm non Hướng Dương: Làm mới mái che sân trường: khoản 400m<sup>2</sup>; thay mới mái che lớp lá 4 diện tích: khoản 250m<sup>2</sup>; làm mới Nhà để xe cho phụ huynh: diện tích khoản 53m<sup>2</sup>; Cải tạo khu nhà vệ sinh các phòng học: khoản 192,40m<sup>2</sup>; Cải tạo nhà bảo vệ: diện tích khoản 8,40m<sup>2</sup>; Cải tạo hàng rào: khoản 70,0m;

- Trường mẫu giáo Sơn Ca: Làm mới mái che sân trường: khoản 295m<sup>2</sup>; cải tạo nhà xe làm nhà kho diện tích: khoản 47,95m<sup>2</sup>; Nâng cấp hệ thống điện 1 pha lên 3 pha;

**b) Phần mua sắm trang thiết bị:**

- Trường THCS Trần Quốc Tuấn: Mua sắm bàn ghế cho học sinh khối 8, 9: 250 Bộ.

- Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai: Mua sắm bàn ghế cho học sinh khối 7, 8, 9: 150 Bộ.

- Trường mầm non Hướng Dương: Mua sắm bộ thiết bị tối thiểu các lớp 3-4 tuổi: 01 Bộ; Mua sắm bộ thiết bị tối thiểu các lớp 4-5 tuổi: 02 Bộ; Mua sắm bộ thiết bị tối thiểu các lớp 5-6 tuổi: 03 bộ; Trang bị thiết bị phòng máy vi tính: 10 máy; Trang thiết bị và đồ chơi ngoài trời (Thiết bị ngoài trời theo thông tư quy định): 01 Bộ.

**2. Nội dung thiết kế và Đặt tính kỹ thuật của vật tư lắp đặt:**

**2.1. Phần xây dựng:**

**2.1.1. Trường THCS Minh Trí:**

- Cải tạo, nâng cấp sân đường, bồn hoa:

+ Diện tích sân trước S2: 171,886m<sup>2</sup>, nền sân kết cấu bê tông đá 10x20 (M200) dày 100, mặt sân lát gạch Terrazzo 400x400x30;

+ Diện tích sân sau S1: 2.377,487m<sup>2</sup>, tôn nền chiều cao trung bình 200, nền sân kết cấu bê tông đá 10x20 (M200) dày 88, mặt sân lát gạch Terrazzo 400x400x30;

+ Diện tích sân để xe: 255,577 m<sup>2</sup> nâng nền láng xi măng mác 75, dày 186mm

+ Nâng cao độ bồn hoa hiện trạng sân trước, thành gạch thẻ cao trung bình 182mm, dày 100, vữa Mác 75; bồn hoa hiện trạng sân sau, thành gạch thẻ cao trung bình 368mm, dày 100, vữa Mác 75;

- Cải tạo hệ thống thoát nước: Xây nâng thành rãnh thoát nước, thành hố ga, kết cấu tường thành xây gạch thẻ dày 100mm, chiều cao 238mm; nạo vét lớp bùn, hữu cơ hệ thống thoát nước hiện hữu chiều dài 273,0m.

**2.1.3. Trường Tiểu học Lê Văn Tám:**

a) Cải tạo, nâng cấp sân đường, bồn hoa, hệ thống thoát nước:

+ Diện tích sân trước S1: 1.238,63 m<sup>2</sup>, nền sân kết cấu bê tông đá 10x20 (M200) dày 50, lớp vữa xi măng trát làm nền, Mác 75, dày trung bình 30mm, mặt sân lát gạch Terrazzo 400x400x30;

+ Diện tích sân sau S2: 443,83m<sup>2</sup>, nền sân kết cấu bê tông đá 10x20 (M200) dày 50, lớp vữa xi măng trát làm nền, Mác 75, dày trung bình 30mm, mặt sân lát gạch Terrazzo 400x400x30;

+ Diện tích sân sau S3: 145,403m<sup>2</sup>, nền sân kết cấu bê tông hiện trạng, lớp vữa xi măng trát làm nền, Mác 75, dày trung bình 30mm, mặt sân lát gạch Terrazzo 400x400x30;

+ Nâng cao độ bồn hoa hiện trạng sân trước, thành gạch thẻ cao trung bình 250mm, dày 100, vữa Mác 75;

+ Hệ thống thoát nước: Xây nâng thành rãnh thoát nước, thành hố ga, kết cấu tường thành xây gạch thẻ dày 100mm, chiều cao 110mm; nạo vét lớp bùn, hữu cơ hệ thống thoát nước hiện hữu chiều dài 133,24m.

b) Cải tạo nhà vệ sinh giáo viên: diện tích 53,75m<sup>2</sup>:

\* Nội dung tháo dỡ:

+ Tháo dỡ cửa đi nhà vệ sinh hiện trạng, KT: 0,7\*2,0m; số lượng 12 CK

+ Tháo dỡ trần tấm lao phong; mái tôn hiện trạng

+ Tháo dỡ bồn cầu hiện trạng: 12 bộ

+ Tháo dỡ chậu rửa hiện trạng: 02 bộ

\* Nội dung lắp dựng:

+ Thay mới cửa đi nhà vệ sinh, cửa khung nhôm hệ 700, kính mờ dày 5mm, KT: 0,7\*2,0m; số lượng 12 bộ

+ Thay mới trần tấm lao phong tấm thạch cao có kích thước chuẩn 600x600mm kết hợp với khung xương;

+ Thay mới mái tôn sóng vuông dày 4,5mm

+ Thay mới bồn cầu loại Bồn cầu 2 khối, chất liệu bằng sứ trắng; Kích thước 695mm x 380mm x 692mm (Dài x rộng x cao): 12 bộ

+ Thay mới chậu rửa chất liệu bằng sứ trắng, Kích thước: 430 x 500 x 190 mm: 02 bộ

\* Nội dung cải tạo:

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn B hiện trạng của cột, dầm tường mặt trong, mặt ngoài hiện trạng; Bã bột toàn bộ cột, dầm, tường mặt trong và mặt ngoài; Sơn B toàn bộ mặt trong và mặt ngoài diện tích tường đã cạo, 01 nước lót, 02 nước phủ.

2.1.4. Trường Tiểu học Lê Anh Xuân:

a) Cải tạo khối 10 phòng học diện tích: 768,0 m<sup>2</sup>

- Tầng triệt:

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn B hiện trạng của cột, dầm tường mặt trong mặt ngoài tầng triệt.

+ Bã bột toàn bộ cột, dầm, tường mặt trong và mặt ngoài

+ Sơn B toàn bộ mặt trong và mặt ngoài diện tích tường đã cạo, 01 nước lót, 02 nước phủ

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn cầu thang hiện trạng; Sơn lại toàn bộ phần cầu thang 01 nước lót; 02 nước màu.

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn cửa đi mặt đứng chính; Sơn lại toàn bộ phần cầu thang 01 nước lót; 02 nước màu.

+ Thay mới cửa sổ mặt sau giáp đất dân, cửa khung sắt, kính mờ dày 4,5mm, Kích thước: 2400x1500, số lượng: 10 cấu kiện.

+ Thay mới cửa đi nhà vệ sinh, cửa khung nhôm hệ 700, kính mờ dày 4,5mm, Kích thước: 700x1800, số lượng: 02 cấu kiện.

+ Thay mới bóng đèn các phòng học, loại đèn 1,2m, công suất 2\*20W, số lượng: 41 cái.

+ Thay mới bóng đèn khu nhà vệ sinh, loại đèn 0,6m, công suất 2\*20W, số lượng: 02 cái.

+ Thay mới quạt trần, loại quạt đảo tròn Kích thước thùng: 45X20.4X47cm, công suất 45W, số lượng: 20 cái.

- Tầng lầu:

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn B hiện trạng của cột, dầm tường mặt trong mặt ngoài tầng lầu.

+ Bã bột toàn bộ cột, dầm, tường mặt trong và mặt ngoài

+ Sơn B toàn bộ mặt trong và mặt ngoài diện tích tường đã cạo, 01 nước lót, 02 nước phủ

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn cầu thang hiện trạng; Sơn lại toàn bộ phần cầu thang 01 nước lót; 02 nước màu.

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn cửa đi mặt đứng chính; Sơn lại toàn bộ phần cầu thang 01 nước lót; 02 nước màu.

+ Thay mới cửa sổ mặt sau giáp đất dân, cửa khung sắt, kính mờ dày 4,5mm, Kích thước: 2400x1500, số lượng: 10 cấu kiện.

+ Thay mới bóng đèn các phòng học, loại đèn 1,2m, công suất 2\*20W, số lượng: 39 cái.

+ Thay mới quạt trần, loại quạt đảo tròn Kích thước thùng: 45x20.4x47cm, công suất 45W, số lượng: 20 cái.

b) Cải tạo Hàng rào, công trường: 186,57m

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn B hiện trạng của cột, dầm tường, ô hoa hàng rào, 02 mặt.

+ Bã bột toàn bộ cột, dầm, tường 02 mặt

+ Sơn B toàn bộ 02 mặt diện tích tường đã cạo, 01 nước lót, 02 nước phủ

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn cửa đi chính Đ1; cửa đi phụ Đ2; Sơn lại toàn bộ phần cửa đã cạo 01 nước lót; 02 nước màu.

c) Xây dựng mới nhà xe:

- Về kiến trúc: Kiến trúc khung thép, một tầng không có xây tường bao

quanh; Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu, xà gồ thép hộp kết hợp với hệ vì kèo thép hộp; Cột tròn sắt tráng kẽm; Nền bê tông đá 10×20 mác 200, lớp cát đen tôn nền tưới nước đầm chặt, đất tự nhiên hiện hữu; Bó nền xây gạch thẻ vữa xi măng mác 75; Các cấu kiện sơn 1 lớp chống rỉ và 2 lớp màu.

+ Tổng diện tích nền: 63,6m<sup>2</sup>;

+ Cao độ nền: ±2,87m;

+ Cao độ đỉnh mái: +6,570m.

- Về kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép đá 10×20 mác 200 trên nền đất tự nhiên, Kích thước: 1200×1200; Lớp bê tông lót đá 40×60 mác 100; Cổ móng bê tông cốt thép nối với cột sắt bằng bu lông; Các cấu kiện đà kiềng bằng bê tông cốt thép đá 10×20 mác 200; Thép dùng loại AI và AII.

d) Điểm trường tại ấp Điểm Vĩnh Yên:

- Cải tạo, nâng cấp sân đường, bồn hoa, hệ thống thoát nước: diện tích 317,579m<sup>2</sup>

+ Nâng cấp sân diện tích: 267,77m<sup>2</sup>; Nền sân kết cấu bê tông đá 10x20 (M200) dày 120, mặt sân lát gạch Terrazzo 400x400x30;

+ Lối đi diện tích: 49,809m<sup>2</sup>; Nền sân kết cấu bê tông đá 10x20 (M200) dày 100, mặt sân lát gạch Terrazzo 400x400x30;

+ Cải tạo hệ thống thoát nước: Xây nâng thành rãnh thoát nước, thành hồ ga, kết cấu tường thành xây gạch thẻ dày 100mm, chiều cao 130mm; nạo vét lớp bùn, hữu cơ hệ thống thoát nước hiện hữu chiều dài 42,590m.

- Lát gạch vỉa hè trước công trường: diện tích 179,38m<sup>2</sup>; kết cấu nền bê tông đá 10x20 (M200) dày 100, mặt vỉa hè lát gạch Terrazzo 400x400x30; Làm mới bồn hoa xây gạch thẻ dày 100, vữa xi măng mác 75.

- Cải tạo hàng rào, công trường hiện trạng: Chiều dài 38,45m

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn B hiện trạng của cột, dầm tường, ô hoa hàng rào, 02 mặt.

+ Bã bột toàn bộ cột, dầm, tường 02 mặt

+ Sơn B toàn bộ 02 mặt diện tích tường đã cạo, 01 nước lót, 02 nước phủ

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn cửa đi chính Đ1; cửa đi phụ Đ2; Sơn lại toàn bộ phần cửa đã cạo 01 nước lót; 02 nước màu.

2.1.5. Trường mầm non Hướng Dương:

a) Làm mới mái che sân trường: diện tích 275,500 m<sup>2</sup>;

- Về kiến trúc: Kiến trúc khung thép, một tầng không có xây tường bao quanh; Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu, xà gồ thép hộp kết hợp với hệ vì kèo thép tròn; Cột tròn sắt tráng kẽm; Nền lát gạch Terrazzo 400x400x30, lớp vữa xi măng mác 75 đệm nền; Các cấu kiện sơn 1 lớp chống rỉ và 2 lớp màu.

+ Tổng diện tích nền: 275,500 m<sup>2</sup>;

+ Cao độ nền: ±0,00m;

+ Cao độ đỉnh mái: +7,100m.

- Về kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép đá 10×20 mác 200 trên nền đất tự nhiên, Kích thước: 1200×1200; Lớp bê tông lót đá 40×60 mác 100; Cổ móng bê tông cốt thép nối với cột sắt bằng bu lông; Các cấu kiện đà kiềng bằng bê tông cốt thép đá 10×20 mác 200; Thép dùng loại AI và AII.

b) Thay mới mái che lớp lá 4 diện tích: diện tích 39,9 m<sup>2</sup>;

+ Tháo dỡ tấm nhựa hiện trạng bị hư hỏng

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn vì kèo, xà gồ mái che hiện trạng; Sơn lại toàn bộ phần cửa đã cạo 01 nước lót; 02 nước màu.

+ Lợp mới mái che tấm bằng tấm nhựa màu xanh trong.

d) Làm mới Nhà để xe cho phụ huynh: diện tích 4,288 m<sup>2</sup>

+ Cao độ nền: ±0,00m;

+ Cao độ đỉnh mái: +4,00m.

- Về kiến trúc: Cột tròn sắt tráng kẽm fi 90, vì kèo thép hộp kết hợp 30x60x1.4; xà gồ thép hộp 30x30x1.4; Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu dày 4,5mm, Nền bê tông đá 10x20, mác 200, dày 150; Các cấu kiện sơn 1 lớp chống rỉ và 2 lớp màu.

- Về kết cấu: Móng trụ bê tông cốt thép đá 10×20 mác 200 trên nền đất tự nhiên, Kích thước: 300×300; Lớp bê tông lót đá 40×60 mác 100; Trụ móng bê tông cốt thép nối với cột sắt bằng bu lông;

e) Cải tạo khu nhà vệ sinh các phòng học: Diện tích 130,24m<sup>2</sup>;

- Phá dỡ máng rửa hiện trạng khu vệ sinh

- Lắp mới chậu tiểu khu vệ sinh cho bé nam

- Sơn hoàn thiện lại bề mặt khu vệ sinh cải tạo

f) Cải tạo nhà bảo vệ: khoảng 8,40m<sup>2</sup>;

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn B mặt trong, mặt ngoài cột, dầm, tường, hiện trạng

+ Bã bột toàn bộ cột, dầm, tường 02 mặt

+ Sơn B toàn bộ 02 mặt diện tích tường đã cạo, 01 nước lót, 02 nước phủ

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn cửa sổ; Sơn lại toàn bộ phần cửa đã cạo 01 nước lót; 02 nước màu.

+ Thay mới cửa đi cửa khung nhôm hệ 700, kính mờ dày 5mm, KT: 0,8\*2,2m; số lượng 01 bộ

g) Cải tạo hàng rào: khoảng 69,93m.

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn B hiện trạng của cột, dầm tường, ô hoa hàng rào, 02 mặt.

+ Bã bột toàn bộ cột, dầm, tường 02 mặt

+ Sơn B toàn bộ 02 mặt diện tích tường đã cạo, 01 nước lót, 02 nước phủ

+ Cạo và vệ sinh toàn bộ lớp sơn cửa đi chính Đ1; cửa đi phụ Đ2; Sơn lại toàn bộ phần cửa đã cạo 01 nước lót; 02 nước màu.

2.1.6. Trường mẫu giáo Sơn Ca:

a) Làm mới mái che sân trường: diện tích 273,000 m<sup>2</sup>;

- Về kiến trúc: Kiến trúc khung thép, một tầng không có xây tường bao quanh; Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu, xà gồ thép hộp kết hợp với hệ vì kèo thép tròn; Cột tròn sắt tráng kẽm; Nền hiện trạng; Các cấu kiện sơn 1 lớp chống rỉ và 2 lớp màu.

+ Cao độ nền: ±0,00m;

+ Cao độ đỉnh mái: +6,100m.

- Về kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép đá 10×20 mác 200 trên nền đất tự nhiên, Kích thước: 1200×1200; Lớp bê tông lót đá 40×60 mác 100; Cổ móng bê tông cốt thép nối với cột sắt bằng bu lông; Các cấu kiện đà kiềng bằng bê tông cốt thép đá 10×20 mác 200; Thép dùng loại AI và AII.

b) Cải tạo nhà xe làm nhà kho: diện tích 33,95m<sup>2</sup>;

+ Cao độ nền: ±0,00m;

+ Cao độ đỉnh mái: +3,10m.

+ Tận dụng nền, cột thép, mái che nhà xe hàn râu cột thép khoảng các 500 trên cấu kiện cột nhà xe, xây tường ốp bao quanh cột, tường dày 100, vữa xi măng, mác 75, giằng khung cửa thép hộp 30×60×1.4; Làm mới cửa kéo dài loan, cửa Đ1, kích thước 2800×2500, số lượng: 01 cấu kiện; Cửa Đ2, cửa kéo dài loan, kích thước 2200×2500, số lượng: 02 cấu kiện; Tường sơn B, 01 nước lót, 02 nước màu; Các cấu kiện sơn 1 lớp chống rỉ và 2 lớp màu.

b) Nâng cấp hệ thống điện 1 pha lên 3 pha:

- Tháo dây Duplex 2x6mm<sup>2</sup> hiện hữu: 65 mét.

- Tháo CB hạ thế 50A hiện hữu: 1 cái.

- Tháo dây Muler 2x6mm<sup>2</sup> hiện hữu: 5 mét.

- Lắp kẹp dùm: 02 bộ.

- Lắp kẹp treo: 02 bộ.

- Lắp cáp QuCV 4x35mm<sup>2</sup>: 65 mét

- Cáp CXV/DSTA 4x35 mm<sup>2</sup>: 60 mét.
- Lắp hộp treo trụ 3 pha: 01 hộp.
- Lắp MCB 3p 100A: 1 cái;
- Lắp đặt ống PVC phi 49: 60 mét;
- Bê tông nền, đá 1x2, mác 200, XM PCB40: 0,8 m<sup>3</sup>.
- Cắt khe dọc đường bê tông đầm lăn (RCC), chiều dày mặt đường <= 14cm: 40 mét.

### 3. Phần mua sắm trang thiết bị:

- Trường THCS Trần Quốc Tuấn: Mua sắm bàn ghế cho học sinh khối 8, 9: 250 Bộ.
- Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai: Mua sắm bàn ghế cho học sinh khối 7, 8, 9: 150 Bộ.
- Trường mầm non Hương Dương: Mua sắm bộ thiết bị tối thiểu các lớp 3-4 tuổi: 01 Bộ; Mua sắm bộ thiết bị tối thiểu các lớp 4-5 tuổi: 02 Bộ; Mua sắm bộ thiết bị tối thiểu các lớp 5-6 tuổi: 03 bộ; Trang bị thiết bị phòng máy vi tính: 10 máy; Trang thiết bị và đồ chơi ngoài trời (Thiết bị ngoài trời theo thông tư quy định): 01 Bộ.

### DANH MỤC THIẾT BỊ CỤ THỂ THIẾT BỊ

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
<b>A</b>	<b>PHẦN THIẾT BỊ BÀN GHẾ HỌC SINH THCS</b>		
<b>I</b>	<b>TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN QUỐC TUẤN</b>		
1	Bàn, ghế học sinh THCS (Cơ IV)	Bộ	250
<b>II</b>	<b>TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN THỊ MINH KHAI</b>		
1	Bàn, ghế học sinh THCS (Cơ IV)	Bộ	150
<b>B</b>	<b>PHẦN THIẾT BỊ MẦM NON</b>		
*	<b>TRƯỜNG MẦM NON HƯƠNG DƯƠNG</b>		
<b>I</b>	<b>THIẾT BỊ PHÒNG HỌC</b>		
<b>I.1</b>	<b>THIẾT BỊ LỚP 3-4 TUỔI</b>	Bộ	1
<b>I.1.1</b>	<b>ĐỒ DÙNG</b>		
1	Giá phơi khăn	Cái	1
2	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	1
3	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	2
4	Tủ đựng chăn, màn, chiếu.	Cái	1
5	Phán	Cái	13
6	Cốc uống nước	Cái	25
7	Bình ủ nước	Cái	1
8	Giá để giày dép	Cái	2
9	Xô	Cái	2
10	Chậu	Cái	2
11	Bàn giáo viên	Cái	1
12	Ghế giáo viên	Cái	2
13	Bàn cho trẻ	Cái	13

14	Ghế cho trẻ	Cái	25
15	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1
16	Thùng đựng rác có nắp đậy	Cái	2
17	Đầu đĩa DVD	Cái	1
18	Tivi	Cái	1
19	Đàn Organ	Cái	1
20	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	5
<b>I.1.2</b>	<b>THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU</b>		
21	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	5
22	Mô hình hàm răng	Cái	2
23	Vòng thể dục to	Cái	2
24	Gậy thể dục to	Cái	2
25	Cột ném bóng	Cái	2
26	Vòng thể dục nhỏ	Cái	25
27	Gậy thể dục nhỏ	Cái	25
28	Xác xô	Cái	2
29	Trông da	Cái	1
30	Công chui	Cái	3
31	Bóng nhỏ	Quả	25
32	Bóng to	Quả	5
33	Nguyên liệu để đan tết	kg	1
34	Kéo thủ công	Cái	25
35	Kéo văn phòng	Cái	1
36	Bút chì đen	Cái	25
37	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	25
38	Đất nặn	Hộp	25
39	Giấy màu	túi	25
40	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	2
41	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	2
42	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	2
43	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	2
44	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	3
45	Ghép nút lớn	Túi	2
46	Tháp dinh dưỡng	Tờ	1
47	Búp bê bé trai	Con	2
48	Búp bê bé gái	Con	2
49	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	3
50	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	2
51	Bộ xếp hình trên xe	Bộ	6
52	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	3
53	Gạch xây dựng	Thùng	2
54	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	2
55	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	2
56	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	2
57	Bộ động vật biển	Bộ	2
58	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	2
59	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	2
60	Bộ côn trùng	Bộ	2
61	Nam châm thẳng	Cái	3
62	Kính lúp	Cái	3
63	Phễu nhựa	Cái	3
64	Bê chơi với cát và nước	Bộ	1
65	Bộ làm quen với toán	Bộ	15

66	Con rối	Bộ	1
67	Bộ hình học phẳng	Túi	25
68	Bảng quay 2 mặt	Cái	1
69	Tranh các loại hoa, quả, củ	Bộ	2
70	Tranh các con vật	Bộ	2
71	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	Bộ	2
72	Đồng hồ học đếm 2 mặt	Cái	2
73	Hộp thả hình	Cái	3
74	Bàn tính học đếm	Cái	3
75	Bộ tranh truyện mẫu giáo 3-4 tuổi	Bộ	1
76	Bộ tranh minh họa thơ lớp 3-4 tuổi	Bộ	1
77	Bảng con	Cái	25
78	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	1
79	Tranh, ảnh về Bác Hồ	Bộ	1
80	Màu nước	Hộp	25
81	Bút lông cỡ to	Cái	12
82	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	12
83	Dập ghim	Cái	1
84	Bìa các màu	Tờ	50
85	Giấy trắng A0	Tờ	50
86	Kẹp sắt các cỡ	Cái	10
87	Dập lỗ	Cái	1
88	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Bộ	3
89	Lịch của trẻ	Bộ	1
<b>II.1.3</b>	<b>SÁCH - TÀI LIỆU - BĂNG ĐĨA</b>		
100	Băng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	1
101	Băng/đĩa thơ ca, truyện kể	Bộ	1
102	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể"	Bộ	1
103	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	1
104	Băng/đĩa hình về Bác Hồ	Bộ	1
<b>II.2</b>	<b>THIẾT BỊ LỚP 4-5 TUỔI</b>	Bộ	2
<b>II.2.1</b>	<b>ĐỒ DÙNG</b>		
1	Giá phơi khăn	Cái	2
2	Cốc uống nước	Cái	60
3	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	2
4	Bình ủ nước	Cái	2
5	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	4
6	Tủ đựng chăn, màn, chiếu.	Cái	2
7	Phán	Cái	30
8	Giá để giày dép	Cái	2
9	Xô	Cái	4
10	Chậu	Cái	4
11	Bàn giáo viên	Cái	2
12	Ghế giáo viên	Cái	4
13	Bàn cho trẻ	Cái	30
14	Ghế cho trẻ	Cái	60
15	Thùng đựng nước có vòi	Cái	2
16	Thùng đựng rác có nắp đậy	Cái	4
17	Đầu đĩa DVD	Cái	2
18	Tivi	Cái	2
19	Đàn Organ	Cái	2
20	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	10
<b>II.2.2</b>	<b>THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU</b>		

21	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	12
22	Mô hình hàm răng	Cái	6
23	Vòng thẻ đục nhỏ	Cái	60
24	Gậy thẻ đục nhỏ	Cái	60
25	Công chui	Cái	10
26	Cột ném bóng	Cái	4
27	Vòng thẻ đục cho giáo viên	Cái	2
28	Gậy thẻ đục cho giáo viên	Cái	2
29	Bộ chun học toán	Cái	12
30	Ghế băng thẻ đục	Cái	4
31	Bục bật sâu	Cái	4
32	Nguyên liệu để đan tết	Kg	2
33	Các khối hình học	Bộ	20
34	Bộ khâu dây tạo hình	Hộp	20
35	Kéo thủ công	Cái	60
36	Kéo văn phòng	Cái	2
37	Bút chì đen	Cái	60
38	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	60
39	Giấy màu	Túi	60
40	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	2
41	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	2
42	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	2
43	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	2
44	Tháp dinh dưỡng	Tờ	2
45	Lô tô dinh dưỡng	Bộ	12
46	Bộ luân hạt	Bộ	10
47	Bộ lắp ghép	Bộ	4
48	Búp bê bé trai	Con	6
49	Búp bê bé gái	Con	6
50	Bộ đồ chơi gia đình	Bộ	2
51	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	4
52	Bộ tranh cảnh báo	Bộ	2
53	Bộ ghép hình hoa	Bộ	6
54	Bộ lắp ráp nút tròn	Bộ	6
55	Hàng rào nhựa	Bộ	6
56	Bộ xây dựng	Bộ	6
57	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	4
58	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	4
59	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	4
60	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ	2
61	Bộ động vật biển	Bộ	4
62	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	4
63	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	4
64	Bộ côn trùng	Bộ	4
65	Tranh về các loài hoa, rau, quả, củ	Bộ	2
61	Nam châm thẳng	Cái	3
62	Kính lúp	Cái	3
63	Phễu nhựa	Cái	3
69	Bể chơi với cát và nước	Bộ	2
70	Cân thăng bằng	Bộ	4
71	Bộ làm quen với toán	Bộ	30
72	Đồng hồ lắp ráp	Bộ	6
73	Bàn tính học đếm	Bộ	6

74	Bộ hình phẳng	Túi	60
75	Ghép nút lớn	Túi	6
76	Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình	Bộ	6
77	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	6
78	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	Bộ	2
79	Một số hình ảnh lễ hội, danh lam, thắng cảnh	Bộ	2
80	Bảng quay 2 mặt	Cái	2
81	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	2
82	Lô tô động vật	Bộ	20
83	Lô tô thực vật	Bộ	20
84	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	20
85	Lô tô đồ vật	Bộ	20
86	Tranh số lượng	Tờ	2
87	Đomino học toán	Bộ	10
88	Bộ chữ số và số lượng	Bộ	30
89	Lô tô hình và số lượng	Bộ	30
90	Bộ tranh truyện mẫu giáo 4 - 5 tuổi	Bộ	4
91	Bộ tranh minh họa thơ mẫu giáo 4- 5 tuổi	Bộ	4
92	Bộ tranh mẫu giáo 4-5 tuổi theo chủ đề	Bộ	4
93	Tranh, ảnh về Bác Hồ	Bộ	2
94	Lịch của bé	Bộ	2
95	Bộ chữ và số	Bộ	12
96	Bộ trang phục Công an	Bộ	2
97	Bộ trang phục Bộ đội	Bộ	2
98	Bộ trang phục Bác sỹ	Bộ	2
99	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	2
100	Bộ xếp hình xây dựng Lăng Bác	Bộ	2
101	Gạch xây dựng	Thùng	2
102	Con rối	Bộ	2
103	Dụng cụ gỗ đệm theo phách nhịp	Bộ	10
104	Đất nặn	Hộp	60
105	Màu nước	Hộp	50
106	Bút lông cỡ to	Cái	24
107	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	24
108	Dập ghim	Cái	2
109	Bìa các màu	Tờ	100
110	Giấy trắng A0	Tờ	100
111	Kẹp sắt các cỡ	Cái	20
112	Dập lỗ	Cái	2
<b>II.2.3</b>	<b>SÁCH - TÀI LIỆU - BĂNG ĐĨA</b>		
122	Băng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	2
123	Băng/đĩa thơ ca, truyện kể	Bộ	2
124	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể"	Bộ	2
125	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	2
126	Băng/đĩa hình về Bác Hồ	Bộ	2
<b>III.1</b>	<b>THIẾT BỊ LỚP 5-6 TUỔI</b>	Bộ	3
<b>III.1.1</b>	<b>ĐỒ DÙNG</b>		
1	Giá phơi khăn	Cái	3
2	Cốc uống nước	Cái	105
3	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	3
4	Bình ủ nước	Cái	3
5	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	6
6	Tủ đựng chăn, màn, chiếu.	Cái	6

7	Phản	Cái	54
8	Giá để giày dép	Cái	3
9	Thùng đựng rác có nắp đậy	Cái	6
10	Thùng đựng nước có vòi	Cái	3
11	Xô	Cái	6
12	Chậu	Cái	6
13	Bàn cho trẻ	Cái	54
14	Ghế cho trẻ	Cái	105
15	Bàn giáo viên	Cái	3
16	Ghế giáo viên	Cái	6
17	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	15
18	Tivi	Cái	3
19	Đầu đĩa DVD	Cái	3
20	Đàn Organ	Cái	3
<b>III.1.2</b>	<b>THIẾT BỊ DẠY HỌC, ĐỒ CHƠI VÀ HỌC LIỆU</b>		
21	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	18
22	Mô hình hàm răng	Cái	9
23	Vòng thẻ đục to	Cái	6
24	Vòng thẻ đục nhỏ	Cái	105
25	Gậy thẻ đục nhỏ	Cái	105
26	Xác xô	Cái	6
27	Công chui	Cái	15
28	Gậy thẻ đục to	Cái	6
29	Cột ném bóng	Cái	6
30	Bóng các loại	Quả	48
31	Đồ chơi Bowling	Bộ	15
32	Dây thừng	Cái	9
33	Nguyên liệu để đan tết	Kg	3
34	Kéo thủ công	Cái	105
35	Kéo văn phòng	Cái	3
36	Bút chì đen	Cái	105
37	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	105
38	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	3
39	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	3
40	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	3
41	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	3
42	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	3
43	Bộ lắp ráp kỹ thuật	Bộ	6
44	Bộ xếp hình xây dựng	Bộ	6
45	Bộ luân hạt	Bộ	15
46	Bộ lắp ghép	Bộ	6
47	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	6
48	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ	3
49	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	3
50	Bộ động vật sống dưới nước	Bộ	6
51	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	6
52	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	6
53	Bộ côn trùng	Bộ	6
54	Cân chia vạch	Cái	3
55	Nam châm thẳng	Cái	9
56	Kính lúp	Cái	9
57	Phễu nhựa	Cái	9
58	Bê chơi với cát và nước	Bộ	3

59	Ghép nút lớn	Bộ	15
60	Bộ ghép hình hoa	Bộ	15
61	Bảng chun học toán	Bộ	15
62	Đồng hồ học số, học hình	Cái	6
63	Bàn tính học đếm	Cái	6
64	Bộ làm quen với toán	Bộ	45
65	Bộ hình khối	Bộ	15
66	Bộ nhận biết hình phẳng	Túi	105
67	Bộ que tính	Bộ	45
68	Lô tô động vật	Bộ	45
69	Lô tô thực vật	Bộ	45
70	Lô tô phương tiện giao thông	Bộ	45
71	Lô tô đồ vật	Bộ	45
72	Đomino chữ cái và số	Hộp	30
73	Bảng quay 2 mặt	Cái	3
74	Bộ chữ cái	Bộ	45
75	Lô tô lắp ghép các khái niệm tương phản	Bộ	15
76	Lịch của trẻ	Bộ	3
77	Tranh ảnh về Bác Hồ	Bộ	3
78	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	3
79	Tranh ảnh một số nghề phổ biến	Bộ	3
80	Bộ tranh truyện mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ	6
81	Bộ tranh minh họa thơ mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Bộ	6
82	Bộ Tranh mẫu giáo 5-6 tuổi theo chủ đề	Bộ	6
83	Bộ dụng cụ lao động	Bộ	9
84	Bộ đồ chơi nhà bếp	Bộ	6
85	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	Bộ	6
86	Bộ đồ chơi đồ dùng ăn uống	Bộ	6
87	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	3
88	Búp bê bé trai	Con	9
89	Búp bê bé gái	Con	9
90	Bộ trang phục công an	Bộ	3
91	Doanh trại bộ đội	Bộ	6
92	Bộ trang phục bộ đội	Bộ	3
93	Bộ trang phục công nhân	Bộ	6
94	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	6
95	Bộ trang phục bác sỹ	Bộ	3
96	Gạch xây dựng	Thùng	6
97	Bộ xếp hình xây dựng	Bộ	6
98	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	9
99	Dụng cụ gỗ đệm theo phách nhịp	Bộ	36
100	Đất nặn	Hộp	90
101	Màu nước	Hộp	75
102	Bút lông cỡ to	Cái	36
103	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	36
104	Dập ghim	Cái	3
105	Bìa các màu	Tờ	150
106	Giấy trắng A0	Tờ	150
107	Kẹp sắt các cỡ	Cái	30
108	Dập lỗ	Cái	3
<b>III.1.3 SÁCH-TÀI LIỆU-BĂNG ĐĨA</b>			
119	Băng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	3
120	Băng/đĩa thơ ca, truyện kể	Bộ	3

121	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể"	Bộ	3
122	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	3
123	Băng/đĩa hình về Bác Hồ	Bộ	3
124	Băng/đĩa hình các hoạt động giáo dục theo chủ đề	Bộ	3
<b>II</b>	<b>THIẾT BỊ PHÒNG MÁY TÍNH</b>		
1	Máy tính để bàn	Bộ	10
2	Phần mềm Vui Học Mầm Non	Bộ	10
3	Loa	Bộ	10
4	Bàn ghế để máy vi tính cho trẻ (Kidsmart)	Bộ	10
<b>C</b>	<b>THIẾT BỊ ĐỒ CHƠI NGOÀI TRỜI</b>		
1	Con vật nhún lò xo	Con	1
2	Con vật nhún khớp nổi	Con	1
3	Bập bênh đơn	Cái	1
4	Bập bênh đôi	Cái	1
5	Xích đu sàn lắc kiểu 1	Cái	1
6	Xích đu sàn lắc kiểu 2	Cái	1
7	Xích đu sàn lắc kiểu 3	Cái	1
8	Cầu trượt đơn kiểu 1	Cái	1
9	Cầu trượt đơn kiểu 2	Cái	1
10	Cầu trượt đôi kiểu 1	Cái	1
11	Cầu trượt đôi kiểu 2	Cái	1
12	Đu quay mâm không ray	Cái	1
13	Đu quay mâm có ray	Cái	1
14	Thang leo kiểu 1	Cái	1
15	Thang leo kiểu 2	Cái	1
16	Bộ vận động đa năng (thang leo, cầu trượt, ống chui)	Bộ	1
17	Bộ vận động đa năng	Bộ	1

#### 4. Giải pháp Quản lý chất lượng:

- Thực hiện đầy đủ nội dung Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thực hiện đầy đủ nội dung Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Thực hiện đầy đủ nội dung Nghị định Số: 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thực hiện đầy đủ nội dung Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

- Thực hiện đầy đủ nội dung Thông tư 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày

p26 tháng 01 năm 2021 và nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của chính phủ điều 39 nghị định 06/2021/NĐ-CP ;

- Các quy định khác theo quy định hiện hành của pháp luật

### **5. Giải pháp An toàn lao động và Bảo hiểm:**

- Trước khi vào công trình tất cả các cán bộ giám sát, công nhân lắp đặt đều phải đội mũ, giày, quần áo bảo hộ của công ty, nếu thi công ở vị trí trên cao phải thắt dây an toàn.

- Đeo thẻ vào ra công trình, tôn trọng hoà nhã ăn nói lịch sự đối với các đơn vị thi công khác và đối với khách hàng.

- Tuyệt đối chấp hành các nội quy, qui tắc về công tác an toàn lao động, nếu ai vi phạm sẽ bị cảnh cáo, kỷ luật và phải bị bồi thường về phần thiệt hại.

- Cấm cờ đê ở những nơi nguy hiểm, nếu thi công ban đêm phải thắp đèn đê hoặc đèn báo hiệu, bố trí đèn chiếu sáng.

- Tất cả các máy móc thiết bị trước khi đưa và công trường đều phải được kiểm tra về an toàn và trong quá trình sử dụng phải đảm bảo sử dụng an toàn thiết bị.

Toàn bộ cán bộ, công nhân của chúng tôi đều được mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, được khám sức khoẻ định kỳ.

### **6. Giải pháp vệ sinh môi trường:**

Công tác vệ sinh môi trường tại công trình luôn được các công nhân chúng tôi tự ý thức bảo vệ như: chống ồn, chống bụi bẩn,...vv

Vệ sinh công trường, vệ sinh sản phẩm sau mỗi ngày làm việc,

### **7. Giải pháp Phòng chống cháy nổ:**

- Tại các công trình thi công ngoài các bình phòng cháy sẵn có bố trí các bình xịt của chúng tôi tại các nơi dễ gây ra cháy nổ như các kho tập kết hàng, khu vực văn phòng, vv...

### **8. Giải pháp, an toàn lao động, vệ sinh môi trường**

- Đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình bao gồm:

- + Chi phí lập và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn;

- + Chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; chi phí thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị; chi phí thông tin, tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động;

- + Chi phí trang cấp dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động;

- + Chi phí cho công tác phòng, chống cháy, nổ;

- + Chi phí phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động; chi phí tổ chức đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn lao động.

- Chi phí đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư 10/2021/TT-BXD là một nội dung của chi phí gián tiếp trong chi phí xây dựng của dự toán xây dựng công trình, được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư quy định chi tiết một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Hướng dẫn đánh giá an toàn công trình

- Tổ chức đủ điều kiện thực hiện đánh giá an toàn công trình là tổ chức kiểm định đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định tại khoản 1 Điều 97 Nghị định 15/2021/NĐ-CP. Phạm vi hoạt động của tổ chức này được thực hiện như đối với tổ chức kiểm định quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

- Việc đánh giá an toàn công trình được thực hiện theo quy trình do Bộ Xây dựng ban hành.

- Thời điểm và tần suất đánh giá an toàn công trình được quy định như sau:

+ Thời điểm đánh giá an toàn công trình lần đầu được thực hiện sau thời gian 10 năm kể từ khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định pháp luật;

+ Đối với lần đánh giá tiếp theo, việc đánh giá an toàn công trình được thực hiện theo tần suất 05 năm/lần.

## **9. Về công tác bảo trì công trình:**

Công trình và các bộ phận công trình khi đưa vào khai thác, sử dụng sẽ được bảo trì theo quy định của Nghị định 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ.

Bảo trì công trình là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo qui định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác sử dụng.

Chủ đầu tư, đơn vị quản lý sử dụng phải tổ chức kiểm tra để đánh giá chất lượng công trình nhằm ngăn ngừa sự xuống cấp của công trình.

Sau khi hết thời gian bảo hành công trình theo qui định của nhà nước, công trình phải được bảo trì thường xuyên.

Việc bảo trì công trình nhằm chống xuống cấp và sửa chữa kịp thời những hư hỏng nhỏ, đối với những công việc này Chủ đầu tư cần ghi kế hoạch vốn hàng năm.

Sau thời gian sử dụng không quá 03 năm, Chủ đầu tư, đơn vị quản lý sử dụng cần thuê tổ chức hoặc cá nhân có chuyên môn kiểm tra đánh giá chất lượng công trình, nếu cần thiết phải lập dự toán kinh phí bảo trì sửa chữa công trình theo mức độ thực tế.

Công tác bảo trì công trình xây dựng được thực hiện theo các cấp như sau:

- Cấp duy tu, bảo dưỡng: Phải được thực hiện thường xuyên, đề phòng những hư hỏng của các chi tiết, bộ phận công trình.

- Cấp sửa chữa nhỏ: Được thực hiện khi có hư hỏng ở một số chi tiết của bộ phận công trình, nhằm khắc phục các hư hỏng nhỏ khôi phục chất lượng ban đầu của các chi tiết đó.

- Cấp sửa chữa vừa: Được thực hiện khi có hư hỏng hoặc xuống cấp ở một số bộ phận công trình, nhằm khôi phục chất lượng ban đầu của bộ phận công trình đó.

- Cấp sửa chữa lớn: Được thực hiện khi có hư hỏng hoặc xuống cấp ở nhiều bộ phận công trình, nhằm khôi phục chất lượng ban đầu của công trình.

- Các tài liệu phục vụ công tác bảo trì bao gồm quy trình bảo trì công trình, bản vẽ hoàn công, lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình và các hồ sơ, tài liệu cần thiết khác phục vụ cho bảo trì công trình.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao các tài liệu phục vụ bảo trì công trình cho chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền trước khi bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

**- Trình tự thực hiện bảo trì công trình:**

- + Lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình.
- + Lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình.
- + Kiểm tra công trình thường xuyên và đột xuất.
- + Quan trắc đối với các công trình có yêu cầu quan trắc.
- + Bảo dưỡng công trình.
- + Kiểm định chất lượng công trình khi cần thiết.
- + Sửa chữa công trình định kỳ và đột xuất.
- + Lập và quản lý hồ sơ bảo trì công trình.

**IV. TỔNG HỢP KINH PHÍ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:**

**1. Tổng mức đầu tư: 7.583.186.039 đồng** (*Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi sáu ngàn không trăm ba mươi chín đồng*).

Trong đó :

- Chi phí xây dựng	:	3.903.115.329	đồng
- Chi phí thiết bị	:	2.439.098.500	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	202.363.601	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	506.761.848	đồng
- Chi phí khác	:	170.742.664	đồng
- Chi phí dự phòng	:	361.104.097	đồng

**2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách thành phố.

#### **IV. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XD VÀ HÌNH THỨC THỰC HIỆN:**

- Cấp quyết định đầu tư: Ủy Ban Nhân Dân thành phố Trà Vinh
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng thành phố Trà Vinh;
- Phương thức thực hiện báo cáo kinh tế kỹ thuật: Chỉ định thầu;
- Nguồn vốn: Vốn ngân sách thành phố Trà Vinh
- Thời gian thực hiện: năm 2024 - 2026.

#### **V. HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VÀ KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ:**

##### **1. Hiệu quả đầu tư:**

Việc đầu tư xây dựng công trình nhằm từng bước chỉnh trang nâng cấp đáp ứng được nhu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất và chống xuống cấp các hạng mục công trình để phục vụ cho việc dạy và học được tốt hơn, góp phần xây dựng cơ sở hình ảnh cơ quan văn. minh, song song đó hướng tới việc tạo dựng bộ mặt đô thị Trà Vinh.

##### **2. Kết luận - kiến nghị:**

Vì vậy, chủ đầu tư kính trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo đúng kế hoạch đề ra./.